

# PHÁP LUẬT VỀ ĐẤU THẦU SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

- Chuyên đề 1 Tổng quan về đấu thầu
- Chuyên đề 2 Phương pháp đấu thầu
- Chuyên đề 3 Hợp đồng
- Chuyên đề 4 Kế hoạch đấu thầu
- Chuyên đề 5 Sơ tuyển nhà thầu
- Chuyên đề 6 Đấu thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp
- Chuyên đề 7 Đấu thầu dịch vụ tư vấn
- Chuyên đề 8 Quy trình lựa chọn khác
- Chuyên đề 9 Quản lý hoạt động đấu thầu
- Chuyên đề 10 Tình huống trong đấu thầu

*Hà Nội, tháng 10/2009*

1

## Chuyên đề 1 TỔNG QUAN VỀ ĐẤU THẦU

### Các nội dung chính :

- I. Khái niệm về đấu thầu
- II. Mục tiêu của pháp luật đấu thầu
- III. Hệ thống pháp lý về đấu thầu hiện hành
- IV. Hoạt động đấu thầu trong chu kỳ dự án
- V. Các quy định cơ bản của Luật Đấu thầu

2

## I. KHÁI NIỆM VỀ ĐẤU THẦU

### 1. Các quan niệm về đấu thầu:

#### Trong nước :

- Từ điển Tiếng Việt 1998: “độ công khai, ai nhận làm, nhận bán với điều kiện tốt nhất thì được giao cho làm hoặc được bán”
- Luật Đấu thầu 29/11/2005 : “là quá trình lựa chọn nhà thầu đáp ứng các yêu cầu của BMT để thực hiện gói thầu thuộc các dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu trên cơ sở cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế”

#### Quốc tế :

Mua sắm : Procurement, Purchasing, Acquisition

Đấu thầu : Bidding, tendering

### 2. Phân biệt đấu thầu với đấu giá:

- Tên gọi	Bidding	Auction
- Đối tượng	Người mua	Người bán
- Mục đích	Giá đánh giá thấp nhất	Giá cao nhất
- Thời gian thực hiện	Không thể chọn ngay	Chọn ngay

3

## I. KHÁI NIỆM VỀ ĐẤU THẦU

### 3. Các thuật ngữ về đấu thầu

#### a) Luật Đấu thầu có 39 thuật ngữ

Vốn Nhà nước	Đấu thầu trong nước/QT	Người có thẩm quyền
BMT	Nhà thầu chính	Nhà thầu phụ
Gói thầu	Giá gói thầu	Giá dự thầu
Giá đánh giá (chi phí)	Giá đề nghị trúng thầu	Giá trúng thầu
Giá ký hợp đồng	Thẩm định đấu thầu ...	

#### b) Nghị định 85/CP có 11 thuật ngữ

Sử dụng vốn nhà nước	Hồ sơ yêu cầu
Hồ sơ đề xuất	Kết quả lựa chọn nhà thầu
Vi phạm pháp luật về đấu thầu	Tham gia đấu thầu
Gói thầu lựa chọn tổng thầu	Thời gian có hiệu lực của HSDT
Thời gian có hiệu lực của BĐĐT	B/c đầu tư, B/c DAĐT

4

## I. KHÁI NIỆM VỀ ĐẤU THẦU

### 4. Các chủ thể tham gia đấu thầu

#### a) Các chủ thể trực tiếp tham gia hoạt động đấu thầu:

- Người có thẩm quyền
- Chủ đầu tư
- Bên mời thầu
- Tổ chuyên gia đấu thầu
- Nhà thầu
- Cơ quan / tổ chức thẩm định

#### b) Các chủ thể gián tiếp tham gia hoạt động đấu thầu:

- Cơ quan kiểm tra, thanh tra
- Cơ quan / tổ chức kiểm toán độc lập
- Công luận, cơ quan báo chí
- Giám sát của cộng đồng

5

## II. MỤC TIÊU CỦA PHÁP LUẬT ĐẤU THẦU

1. Thống nhất các quy định của Nhà nước về đấu thầu theo hướng là Luật gốc về đấu thầu sử dụng vốn NN
2. Tăng cường tính cạnh tranh - công bằng - minh bạch - hiệu quả kinh tế
3. Khắc phục các tồn tại trong đấu thầu
4. Tăng cường phân cấp, đơn giản hóa thủ tục, tăng cường hậu kiểm
5. Tăng cường hội nhập với quốc tế và tăng cường năng lực cạnh tranh của nhà thầu trong nước

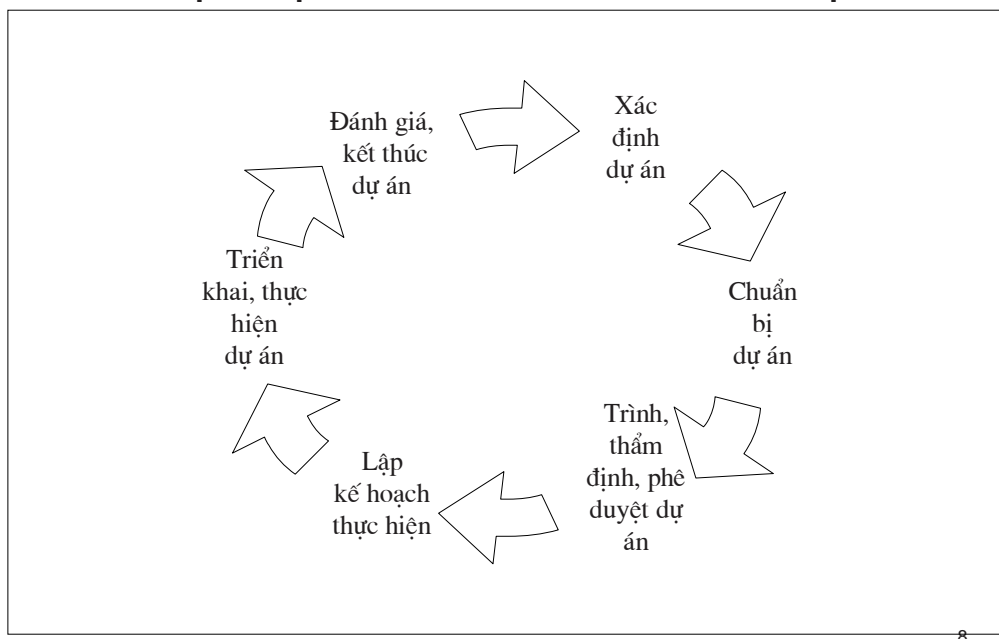
6

### III. HỆ THỐNG PHÁP LÝ VỀ ĐẦU THẦU HIỆN HÀNH

- ❖ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 :  
Ngày Quốc hội thông qua 29/11/2005 (hiệu lực 1/4/2006)
- ❖ Luật sửa đổi số 38/2009/QH12 :  
Ngày Quốc hội thông qua 19/6/2009 (hiệu lực 1/8/2009)
- ❖ Hướng dẫn Luật Đấu thầu :  
Nghị định của Chính phủ số 85/NĐ-CP ngày 15/10/2009 (hiệu lực 1/12/2009) thay thế Nghị định số 58/NĐ-CP ngày 5/5/2008
- ❖ Hướng dẫn Nghị định 58/CP của Chính phủ :
  1. Quyết định của TTCP số 49/2007/QĐ-TTg, 11/4/2007
  2. Thông tư hướng dẫn của Bộ TM số 13/2006/TT-BTM, 29/11/2006
  3. TT của Bộ TC 63/2007/TT-BTC, 15/6/2007 (TT sửa đổi 131/TT-BTC, 5/11/2007)
  4. Thông tư liên tịch của Bộ Y tế - Bộ TC số 10/2007/TTLT-BYT-BTC, 10/8/2007
  5. Quyết định của Bộ KH&ĐT số 678/2008/QĐ-BKH, 2/6/2008
  6. Thông tư của Bộ KH&ĐT số 03/2009/TT-BKH, 16/4/2009
  7. Thông tư của Bộ KH&ĐT số 02/2009/TT-BKH, 17/02/2009
  8. Quyết định của Bộ KH&ĐT số 937/2008/QĐ-BKH, 23/7/2008
  9. Quyết định của Bộ KH&ĐT số 1048/2008/QĐ-BKH, 11/8/2008
  10. Quyết định của Bộ KH&ĐT số 1118/2008/QĐ-BKH, 3/9/2008
  11. Quyết định của Bộ KH&ĐT số 731/2008/QĐ-BKH, 10/6/2008
  12. Quyết định của Bộ KH&ĐT số 1744/2008/QĐ-BKH, 29/12/2008
  13. Quyết định của Bộ KH&ĐT số 1121/2008/QĐ-BKH, 3/9/2008
  14. Quyết định của Bộ KH&ĐT số 1068/2008/QĐ-BKH, 15/8/2008
  15. Văn bản của Bộ KH&ĐT số 4073/BKH-QLĐT, 5/6/2008

7

### IV. HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU TRONG CHU KỲ DỰ ÁN



8

## V. CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẦU THẦU

1. Phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu thầu (Điều 1) là các gói thầu sử dụng vốn nhà nước thuộc Dự án sau :
  - Dự án sử dụng từ 30% vốn NN trở lên so với TMĐT cho mục tiêu đầu tư phát triển : (i) DA xây dựng mới, nâng cấp mở rộng; (ii) DA mua sắm tài sản / th. bị không cần lắp đặt; (iii) DA quy hoạch vùng, ngành, đô thị, nông thôn; (iv) DA nghiên cứu khoa học, công nghệ, hỗ trợ Kỹ thuật
  - Dự án sử dụng vốn NN để mua sắm tài sản để duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức - đoàn thể, đơn vị vũ trang nhân dân
  - Dự án sử dụng vốn NN để mua sắm tài sản nhằm phục vụ cải tạo sửa chữa lớn thiết bị, dây chuyền sản xuất, công trình nhà xưởng đã đầu tư của DNNN

9

## V. CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẦU THẦU

### 2. Quy định áp dụng Luật Đầu thầu (Điều 2 & 3)

- a) Đối tượng áp dụng Luật Đầu thầu (Điều 2)
  - Đối tượng bắt buộc là các tổ chức cá nhân trực tiếp tham gia hoạt động đầu thầu sử dụng vốn NN và các tổ chức cá nhân liên quan thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu thầu
  - Tổ chức cá nhân khác tùy chọn
- b) Áp dụng Luật Đầu thầu và pháp luật khác (Điều 3)
  - Mọi hoạt động đầu thầu thuộc phạm vi điều chỉnh phải tuân thủ Luật Đầu thầu và pháp luật có liên quan
  - Trường hợp có đặc thù về đầu thầu quy định ở luật khác thì áp dụng theo quy định của luật đó
  - Trường hợp sử dụng ODA thực hiện lựa chọn nhà thầu theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế

10

## V. CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẤU THẦU

### 3. Đăng tải thông tin trong đấu thầu (Điều 5)

#### a) Phương tiện đăng tải :

- Báo Đấu thầu và Trang thông tin điện tử về đấu thầu (bắt buộc)
- Các phương tiện thông tin đại chúng khác (chỉ đăng lại)

#### b) Nội dung đăng tải :

- Kế hoạch đấu thầu
- Thông báo mời sơ tuyển, kết quả sơ tuyển
- Thông báo mời thầu đối với đấu thầu rộng rãi
- Danh sách nhà thầu được mời tham gia đấu thầu
- Kết quả lựa chọn nhà thầu
- Thông tin xử lý vi phạm pháp luật đấu thầu
- Văn bản QPPL hiện hành
- Các thông tin liên quan khác

11

## V. CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẤU THẦU

### 4. Chuyên nghiệp hóa hoạt động đấu thầu (Điều 9)

- Chủ đầu tư có đủ nhân sự đáp ứng thì tự mình làm BMT: Thông qua BQLDA, Tổ chuyên gia đấu thầu hoặc Bộ phận nghiệp vụ liên quan
- Chủ đầu tư không đủ nhân sự hoặc nhân sự không đáp ứng làm BMT. Lựa chọn một tổ chức tư vấn hoặc một tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp có đủ năng lực và kinh nghiệm thay mình làm BMT song vẫn phải chịu trách nhiệm về quá trình lựa chọn nhà thầu
- Cá nhân tham gia BMT phải : (1) am hiểu pháp luật về đấu thầu; (2) có kiến thức về QLDA; (3) có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của gói thầu; (4) có trình độ ngoại ngữ phù hợp

12

## V. CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẤU THẦU

### 5. Điều kiện tham gia đấu thầu (Điều 10)

- 1) Có tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 7 (nhà thầu là tổ chức) hoặc Điều 8 (nhà thầu là cá nhân)
- 2) Chỉ được tham gia trong một HSDT đối với một gói thầu với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh dự thầu. Trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận, quy định rõ người đứng đầu, trách nhiệm chung và riêng của từng thành viên
- 3) Đáp ứng yêu cầu nêu trong thông báo / thư mời thầu
- 4) Đảm bảo yêu cầu cạnh tranh trong đấu thầu

13

## V. CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẤU THẦU

### 6. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

a) Nhà thầu là tổ chức (Điều 7) có tư cách hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau:

- 1) Có giấy chứng nhận ĐKKD, giấy chứng nhận đầu tư hoặc có quyết định thành lập (đối với nhà thầu trong nước); Có đăng ký hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi nhà thầu mang quốc tịch cấp (đối với nhà thầu nước ngoài)
- 2) Hạch toán kinh tế độc lập
- 3) Không bị kết luận có tình hình tài chính không lành mạnh, phá sản hoặc nợ đọng không có khả năng chi trả, đang trong quá trình giải thể

b) Nhà thầu là cá nhân (Điều 8) có tư cách hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau :

- 1) Năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân
- 2) Đăng ký hoạt động hợp pháp hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp do cơ quan có thẩm quyền cấp
- 3) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự

14

## V. CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẦU THẦU

### 7. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu (Khoản 2 Điều 2 LSD, Điều 3 NB 85/CP)

#### a) Các yêu cầu về đảm bảo cạnh tranh :

- ❖ Độc lập về tổ chức, không cùng phụ thuộc vào một cơ quan quản lý
- ❖ Độc lập về tài chính

#### b) Lộ trình thực hiện đảm bảo cạnh tranh

##### (1) Giữa các nhà thầu với nhau :

- Hoạt động theo Luật DN hoặc không cùng một cơ quan, đơn vị trực tiếp ra Quyết định thành lập
- Không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% của nhau

##### (2) Giữa nhà thầu tham gia đấu thầu với chủ đầu tư :

- Nhà thầu hoạt động theo LDN, không có cổ phần hoặc vốn góp trên 50% của nhau
- Nhà thầu là đơn vị sự nghiệp : Không cùng thuộc một cơ quan, đơn vị trực tiếp ra QĐ thành lập, phải tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính
- Nhà thầu là DNNN thuộc diện phải chuyển đổi theo LDN : Không có cổ phần hoặc vốn góp trên 50% của nhau kể từ thời gian đã quy định phải chuyển đổi
- Nhà thầu là DNNN thuộc diện Nhà nước phải nắm giữ phần vốn chi phối : theo quy định riêng của TTCP

15

## V. CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẦU THẦU

### 8. Các hành vi bị cấm (Điều 12 LĐT, K3 Điều 2 LSD)

- 1) Đưa nhận hoặc đòi hỏi dẫn đến hành động thiếu trung thực, không khách quan trong việc quyết định lựa chọn nhà thầu, ký kết, thực hiện hợp đồng
- 2) Dùng ảnh hưởng cá nhân để tác động/can thiệp/báo cáo sai
- 3) Cấu kết thông đồng giữa các bên trong đấu thầu
- 4) Vừa đánh giá HSDT vừa thẩm định trong cùng một gói thầu
- 5) Nêu yêu cầu về thương hiệu hoặc nguồn gốc hàng hóa trong HSMT
- 6) Tham gia đấu thầu gói thầu do mình làm BMT
- 7) Chia dự án thành các gói thầu trái quy định (Điều 6, khoản 4)
- 8) Nhà thầu tham gia đấu thầu cung cấp hàng hóa, xây lắp cho gói thầu do mình cung cấp dịch vụ tư vấn (trừ gói thầu EPC)
- 9) Tiết lộ tài liệu, thông tin trong quá trình đấu thầu
- 10) Sắp đặt để cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột tham gia đấu thầu mà mình làm bên mời thầu, xét thầu, thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu

16



## V. CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẦU THẦU

### 8. Các hành vi bị cấm (Điều 12 LĐT, K3 Điều 2 LSD)

- 11) Làm trái quy định về quản lý vốn, gây khó khăn trong giải ngân
- 12) Dàn xếp thông đồng giữa hai hay nhiều nhà thầu, nhà thầu thi công và tư vấn giám sát hoặc với cơ quan nghiệm thu
- 13) Đứng tên tham gia đấu thầu gói thầu thuộc dự án do cơ quan mình đã công tác trong thời hạn 1 năm kể từ khi thôi việc
- 14) Cho nhà thầu khác sử dụng tư cách của mình hoặc chuyển nhượng thầu
- 15) Lợi dụng kiến nghị để cản trở quá trình đấu thầu, ký kết HĐ
- 16) áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu không phải là đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện
- 17) Tổ chức đấu thầu khi nguồn vốn cho gói thầu chưa được xác định
- 18) Bên mời thầu không bán HSMT cho nhà thầu theo quy định
- 19) Sử dụng lao động nước ngoài không đúng quy định

17

## V. CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẦU THẦU

### 9. Điều kiện đấu thầu quốc tế (Điều 13)

#### a) Các trường hợp được tổ chức đấu thầu quốc tế :

- Gói thầu thuộc Dự án ODA có quy định của nhà tài trợ
- Gói thầu MSHH mà HH đó ở trong nước chưa đủ khả năng sản xuất
- Gói thầu mà nhà thầu trong nước không đáp ứng hoặc đã đấu thầu trong nước nhưng không chọn được nhà thầu trúng thầu

#### b) Điều kiện đối với nhà thầu nước ngoài :

- Không bắt buộc nhà thầu nước ngoài phải liên danh hoặc cam kết sử dụng thầu phụ trong nước khi tham gia đấu thầu quốc tế tại VN. Trường hợp HSDT có cam kết liên danh hoặc sử dụng thầu phụ VN nhưng khi trúng thầu nhà nước ngoài không thực hiện đúng cam kết nói trên thì sẽ bị loại
- Nhà thầu nước ngoài trúng thầu phải thực hiện theo quy định của Chính phủ Việt Nam về quản lý nhà thầu nước ngoài

18

## V. CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẦU THẦU

### 10. Ưu đãi trong đấu thầu quốc tế và đồng tiền dự thầu

#### a) Ưu đãi trong đấu thầu quốc tế (Điều 14)

- Nhà thầu trong nước là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại VN theo Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư
- Nhà thầu trong nước tham gia liên danh đảm nhận công việc có giá trị > 50% gói thầu TV, XL hoặc EPC
- Nhà thầu tham gia gói thầu cung cấp HH mà HH đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên

#### b) Đồng tiền dự thầu (Điều 15)

- Đồng tiền dự thầu được quy định trong HSMT theo nguyên tắc một đồng tiền cho một khối lượng cụ thể
- Việc quy đổi về một đồng tiền để so sánh trong quá trình đánh giá HSDT căn cứ theo tỷ giá giữa VNĐ và đồng ngoại tệ trong HSMT
- Các loại chi phí trong nước phải bằng VNĐ

19

## V. CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẦU THẦU

### 11. Ngôn ngữ và Chi phí trong đấu thầu

#### a) Ngôn ngữ trong đấu thầu (Điều 16)

- Ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu bao gồm : HSMT, HSDT và các tài liệu trao đổi giữa BMT và nhà thầu
- Ngôn ngữ đấu thầu trong nước : Tiếng Việt
- Ngôn ngữ đấu thầu quốc tế : Tiếng Việt, tiếng Anh

#### b) Chi phí trong đấu thầu (Điều 17)

- Chi phí chuẩn bị HSDT / tham gia đấu thầu : Nhà thầu chịu trách nhiệm
- Chi phí về quá trình lựa chọn nhà thầu : được xác định trong TMĐT / TDT
- Hồ sơ mời thầu : Bán cho nhà thầu

20

## IV. THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG (Điều 47 ND 85/CP)

- Thành phần HĐ là các tài liệu hình thành HĐ quy định trách nhiệm và nghĩa vụ các bên trong HĐ gồm các nội dung theo thứ tự ưu tiên sau :
  - 1) Văn bản HĐ (kèm theo Phụ lục)
  - 2) Biên bản thương thảo, hoàn thiện HĐ
  - 3) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
  - 4) Điều kiện cụ thể của HĐ
  - 5) Điều kiện chung của HĐ
  - 6) HSDT, HSĐX và các văn bản làm rõ
  - 7) HSMT, HSYC và các tài liệu bổ sung
  - 8) Tài liệu kèm theo khác
- Đối với gói thầu XL, biểu giá phải xây dựng trên cơ sở : (1) biên bản thương thảo, hoàn thiện HĐ, (2) quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, (3) HSDT / HSĐX căn cứ theo bảng tiên lượng trong HSMT / HSYC

41

## V. THANH TOÁN, GS, NGHIỆM THU, THANH LÝ HĐ

- 1) Thanh toán HĐ (Điều 58 LĐT) :

Giá HĐ và các điều khoản cụ thể về thanh toán được ghi trong HĐ là cơ sở để chủ đầu tư thanh toán cho gói thầu
- 2) Giám sát thực hiện HĐ (Điều 59 LĐT) :
  - Cơ quan giám sát : (i) Chủ đầu tư (ii) Tư vấn giám sát; (iii) GS cộng đồng
  - Yêu cầu đối với cá nhân giám sát phải : (i) công tâm, trung thực, khách quan; (ii) có đủ năng lực, kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn; (iii) Phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật
  - Yêu cầu đối với TV giám sát : thiếu trách nhiệm hoặc thông đồng xác nhận sai khối lượng, chất lượng thi nhà thầu TV và nhà thầu XD phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý
- 3) Nghiệm thu HĐ (Điều 59 LĐT) : Cá nhân được giao phải
  - Công tâm, trung thực, khách quan
  - Có đủ năng lực, kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn
  - Phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật
- 4) Thanh lý HĐ (Điều 59 LĐT) : Phải thực hiện xong ≤ 45 ngày kể từ khi hoàn thành hợp đồng, trường hợp phức tạp ≤ 90 ngày

42

## Chuyên đề 4 **KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU**

### Các nội dung chính :

- I. Nguyên tắc lập Kế hoạch đấu thầu
- II. Căn cứ lập Kế hoạch đấu thầu
- III. Trình tự và nội dung Kế hoạch đấu thầu
- IV. Trình, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch đấu thầu

43

### **I. NGUYÊN TẮC LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU** **(Điều 6 Luật Đấu thầu)**

- 1) Kế hoạch đấu thầu do người có thẩm quyền phê duyệt theo đề nghị của chủ đầu tư và cơ quan / tổ chức thẩm định
- 2) Trường hợp đủ điều kiện thì phê duyệt KHĐT đồng thời với QĐĐT, trừ gói thầu cần thực hiện trước khi có QĐĐT
- 3) Phải lập cho toàn bộ DA, trường hợp chưa đủ điều kiện có thể lập KHĐT cho một số gói thầu để thực hiện trước
- 4) Việc phân chia DA thành các gói thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, bảo đảm tính đồng bộ, quy mô hợp lý
- 5) Mỗi gói thầu chỉ có một HSMT (sử dụng cho 1 lần đấu thầu), một HĐ. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần độc lập thì thực hiện theo một hoặc nhiều HĐ.
- 6) Một HĐ được thực hiện theo một hoặc nhiều hình thức HĐ

44

## **II. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU** **(Điều 9 NĐ 85/CP)**

- 1) QĐĐT hoặc giấy CNĐT và các tài liệu liên quan; Trường hợp Dự án trong giai đoạn chuẩn bị thì căn cứ quyết định của người đứng đầu cơ quan CĐT hoặc đơn vị chuẩn bị DA
- 2) Điều ước QT / Thỏa thuận QT tế đối với dự án ODA
- 3) TK, DT được duyệt
- 4) Nguồn vốn cho DA
- 5) Các văn bản pháp lý khác (nếu có)

45

## **III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU** **(Điều 10 NĐ 85/CP)**

1. Tên gói thầu : căn cứ tính chất, nội dung, phạm vi công việc nêu trong DA
2. Giá gói thầu : phù hợp TMĐT, dự toán được duyệt ; trường hợp gói thầu gồm nhiều lô thì phải nêu giá trị ước tính cho từng lô
3. Nguồn vốn: nêu rõ nguồn / phương thức thu xếp; cơ cấu vốn ODA (trong nước/ngoài nước)
4. Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu : căn cứ các Điều từ 18 đến 24 và Điều 26 LĐT và Điều 97 LXD); nêu rõ hình thức lựa chọn trong nước /quốc tế, sơ tuyển, mời quan tâm đối với tư vấn hoặc tư vấn cá nhân
5. Thời gian lựa chọn nhà thầu: xác định thời gian phù hợp với tiến độ DA
6. Hình thức HĐ: căn cứ tính chất gói thầu để xác định hình thức theo quy định tại các Điều từ 49 đến 53 LĐT và Đ107 của Luật XD
7. Thời gian thực hiện HĐ: bảo đảm phù hợp với tiến độ DA

46

## **IV. TRÌNH - THẨM ĐỊNH - PHE DUYỆT** **(các Điều 11-12 NĐ 85/CP)**

1. Trình duyệt : chủ đầu tư
2. Nội dung văn bản trình duyệt
  - a) **Phần công việc đã thực hiện:** Khảo sát, lập PFS, FS... và giá trị kèm theo
  - b) **Phần công việc không áp dụng** một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định trong LĐT và LXD
  - c) **Phần KHĐT:** bao gồm các công việc hình thành các gói thầu được thực hiện theo một / các hình thức lựa chọn, kể cả các công việc rà phá bom mìn, xây dựng khu tái định cư, bảo hiểm công trình, đào tạo... Trong đó phải nêu rõ cơ sở phân chia gói thầu, hình thức lựa chọn, phương thức đấu thầu, hình thức HĐ, thời gian thực hiện HĐ ...
  - d) **Phần công việc chưa đủ điều kiện lập KHĐT:** bao gồm nội dung và giá trị công việc để lại lập KHĐT sau
3. Tài liệu kèm theo văn bản trình duyệt: bản chụp các tài liệu như QĐĐT, điều ước quốc tế, Dự toán...
4. Thẩm định: cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ có trách nhiệm nghiên cứu và lập báo cáo thẩm định
5. Phe duyệt: người có thẩm quyền (người QĐĐT)

47

## **Chuyên đề 5** **SƠ TUYỂN NHÀ THẦU**

**Các nội dung chính :**

- I. Phạm áp dụng
- II. Quy trình sơ tuyển nhà thầu
- III. Mẫu Hồ sơ mời sơ tuyển

48

## I. PHẠM VI ÁP DỤNG VÀ CƠ QUAN THỰC HIỆN

### 1. Phạm vi áp dụng (Đ 32 LĐT, K 7 Đ 2 LSD, Đ 13 NĐ 85/CP)

- Căn cứ tính chất, quy mô của gói thầu : Không căn cứ theo giá trị, không phân biệt theo hạn mức
- Chỉ áp dụng đối với trường hợp đấu thầu rộng rãi và phải được phê duyệt trong KHĐT

### 2. Cơ quan chuẩn bị và quyết định

- Chuẩn bị và tổ chức sơ tuyển : Bên mời thầu
- Phê duyệt HSMST và KQST : Chủ đầu tư

49

## II. QUY TRÌNH SƠ TUYỂN NHÀ THẦU

### 3. Trình tự thực hiện sơ tuyển (Điều 14 NĐ 85/CP)

#### a) Lập và phê duyệt Hồ sơ mời sơ tuyển : (BMT/CĐT)

HSMST lập theo Mẫu và đánh giá theo phương pháp đánh giá "đạt", "không đạt"

#### b) Thông báo và phát hành Hồ sơ mời sơ tuyển : (BMT)

- Thông báo 3 kỳ liên tiếp trên báo Đấu thầu, trên trang Thông tin điện tử về đấu thầu. Trường hợp đấu thầu quốc tế, còn phải đăng tiếng Anh trên báo Đấu thầu
- Phát hành miễn phí kể từ ngày đăng tải đầu tiên đến trước khi đóng sơ tuyển

#### c) Tiếp nhận và quản lý Hồ sơ dự sơ tuyển : (BMT)

- Thời gian chuẩn bị HSDST : ≥ 10 ngày (TN), 20 ngày (QT)
- Nhà thầu nộp đúng quy định sẽ được BMT tiếp nhận, quản lý và mở công khai ngay sau thời điểm đóng sơ tuyển
- HSDST nộp sau khi đóng sơ tuyển không được mở và trả lại theo nguyên trạng

#### d) Đính giá Hồ sơ dự sơ tuyển : (BMT)

HSDST do bên mời thầu đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá được quy định trong HSMST theo nguyên tắc nhà thầu đạt yêu cầu sơ tuyển phải đáp ứng tất cả các tiêu chí đánh giá

#### đ) Trình và phê duyệt kết quả sơ tuyển : (BMT/CĐT)

Kết quả sơ tuyển do chủ đầu tư phê duyệt trên cơ sở báo cáo của bên mời thầu

#### e) Thông báo kết quả sơ tuyển : (BMT)

Căn cứ kết quả sơ tuyển được duyệt, BMT có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến các nhà thầu tham dự sơ tuyển để mời tham gia đấu thầu.

50

### III. MẪU HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN

(Quyết định số 937/BKH-QLĐT, ngày 23/7/2008)

**Phần thứ nhất Yêu cầu về thủ tục sơ tuyển**

**Chương I Chỉ dẫn đối với nhà thầu :**

A. Tổng quát, B. Chuẩn bị HSDST, C. Nộp HSDST, D. Mở và đánh giá HSDST, E. Trúng sơ tuyển

**Chương II Bảng dữ liệu sơ tuyển (chi tiết hóa các nội dung chỉ dẫn)**

**Chương III Tiêu chuẩn đánh giá HSDST**

(1) TCĐG về kinh nghiệm, (2) TCĐG về năng lực kỹ thuật, (3) TCĐG về năng lực tài chính

**Chương IV Biểu mẫu dự sơ tuyển**

(1) Đơn dự ST, (2) Giấy ủy quyền, (3) Thỏa thuận liên danh sơ bộ, (4) Kê khai thông tin về nhà thầu, (5) Kê khai năng lực tài chính của nhà thầu, (6) Kê khai các hợp đồng đang thực hiện, (7) Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện

**Phần thứ hai Yêu cầu về công trình xây lắp**

**Chương V Tóm tắt các yêu cầu về công trình xây lắp**

(1) Giới thiệu chung về dự án; (2) Mô tả sơ bộ về công trình xây lắp, (3) Kế hoạch thực hiện, (4) Địa điểm thực hiện gói thầu và những thông tin liên quan khác

51

### Chuyên đề 6

## ĐẤU THẦU MUA SẮM HÀNG HÓA, XÂY LẮP

**Các nội dung chính :**

1. Quy trình đấu thầu MSHH, XL (các Điều 23 - 32 NĐ 85/CP)
1. Chuẩn bị đấu thầu (sơ tuyển nhà thầu, lập HSMT, mời thầu)
2. Tổ chức đấu thầu (bán HSMT, làm rõ HSMT, nhận và q. lý HSDT, mở thầu)
3. Đánh giá HSDT (đánh giá sơ bộ, đánh giá chi tiết)
4. Thẩm định và phê duyệt KQĐT (BMT trình duyệt kết quả đấu thầu, tổ chức thẩm định kết quả đấu thầu, Chủ đầu tư phê duyệt)
5. Thông báo KQĐT (BMT thông báo công khai kết quả đấu thầu cho các nhà thầu : tên nhà thầu trúng thầu, giá trúng thầu, h. thức HĐ, t gian t. hiện HĐ)
6. Thương thảo, hoàn thiện HĐ (hòan chỉnh văn kiện HĐ trước khi ký, trường hợp không thành BMT trình chủ đầu tư quyết định)
7. Ký kết HĐ (HĐ được ký giữa chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu, đảm bảo HSDT còn hiệu lực, thông tin về năng lực nhà thầu phải được cập nhật)

II. Mẫu HSMT MSHH

III. Mẫu HSMT XL

52



# I. QUY TRÌNH ĐẦU THẦU MSHH, XL

## Bước 1. Chuẩn bị đấu thầu

- 1) **Sơ tuyển nhà thầu** Căn cứ KHĐT được người có thẩm quyền phê duyệt và theo quy trình sơ tuyển tại Điều 14 NĐ 85/CP
- 2) **Lập HSMT** bao gồm các nội dung :
  - Yêu cầu về mặt kỹ thuật (MSHH: yêu cầu về phạm vi cung cấp, đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ...; XL: Hồ sơ TKKT kèm theo bảng tiên lượng, chỉ dẫn K.T)
  - Yêu cầu về mặt tài chính, thương mại (chi phí thực hiện gói thầu, giá chào và biểu giá chi tiết, điều kiện giao hàng, phương thức thanh toán, nguồn tài chính, đồng tiền dự thầu)
  - Tiêu chuẩn đánh giá, điều kiện tiên quyết, điều kiện ưu đãi, thuế, bảo hiểm, giấy phép bán hàng đối với hàng hóa đặc thù, đặc biệt...
- 3) **Mời thầu** :
  - Đăng tải thông báo mời thầu (≥ 10 ngày) đối với đấu thầu rộng rãi trên trên báo Đấu thầu 3 kỳ liên tiếp và trên trang thông tin điện tử về đấu thầu. Đấu thầu quốc tế còn phải đăng tải đồng thời bằng tiếng Anh trên báo Đấu thầu
  - Gửi thư mời thầu đối với đấu thầu hạn chế hoặc qua sơ tuyển (trong nước ≥ 5 ngày; quốc tế ≥ 7 ngày)

53

## Bước 1. Chuẩn bị đấu thầu (tiếp theo)

### Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá gói thầu MSHH

- 1) Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (áp dụng trường hợp không sơ tuyển, đánh giá theo tiêu chí “đạt / không đạt”): (i) Kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; (ii) Năng lực SXKD, cơ sở VCKT, trình độ cán bộ; (iii) Năng lực TC: Tổng TS, tổng nợ phải trả, vốn lưu động, doanh thu, lợi nhuận...
- 2) Tiêu chuẩn đánh giá về mặt Kỹ thuật (theo thang điểm hoặc tiêu chí “đạt / không đạt”):
  - a) Đặc tính KT của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất...
  - b) Tính hợp lý và HQKT giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt HH
  - c) Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành
  - d) Khả năng thích ứng về mặt địa lý
  - e) Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết
  - f) Khả năng cung cấp tài chính (nếu yêu cầu)
  - g) Điều kiện TM, TC, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao CN...
- 3) Nội dung xác định giá đánh giá :
  - a) Xác định giá dự thầu
  - b) Sửa lỗi
  - c) Hiệu chỉnh sai lệch
  - d) Chuyển đổi sang một đồng tiền chung (nếu có)
  - e) Đưa các chi phí về một mặt bằng gồm : (i) Các điều kiện về mặt KT như : tiến độ thực hiện; công suất, hiệu suất của máy móc thiết bị; mức tiêu hao điện năng, nguyên nhiên vật liệu; chi phí vận hành, duy tu, bảo dưỡng, tuối thọ; (ii) Điều kiện thương mại, tài chính; (iii) Ưu đãi trong đấu thầu QT...

54

## Bước 1. Chuẩn bị đấu thầu (tiếp theo)

### Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá gói thầu XL

- 1) Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (áp dụng trường hợp không sơ tuyển, đánh giá theo tiêu chí “đạt / không đạt”): (i) Kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; (ii) Năng lực Kỹ thuật: số lượng, trình độ cán bộ, công nhân KT, số lượng thiết bị thi công sẵn có, khả năng huy động thiết bị thi công; (iii) Năng lực TC: Tổng TS, tổng nợ phải trả, vốn lưu động, doanh thu, lợi nhuận, giá trị HĐ dở dang ...
- 2) Tiêu chuẩn đánh giá về mặt Kỹ thuật (theo thang điểm hoặc tiêu chí “đạt / không đạt”) :
  - a) Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp KT, biện pháp tổ chức TC phù hợp với tiến độ
  - b) Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, phòng cháy-chữa cháy, ATLĐ
  - c) Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành
  - d) Các biện pháp bảo đảm chất lượng
  - e) Khả năng cung cấp tài chính (nếu yêu cầu)
  - f) Tiến độ thi công...
- 3) Nội dung xác định giá đánh giá :
  - a) Xác định giá dự thầu
  - b) Sửa lỗi
  - c) Hiệu chỉnh sai lệch
  - d) Chuyển đổi giá để nghị trúng thầu sang một đồng tiền chung (nếu có)
  - e) Đưa các chi phí về một mặt bằng gồm : (i) Các điều kiện về mặt KT như : tiến độ thực hiện, chỉ phí quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng và tuổi thọ công trình... (ii) Điều kiện tài chính, thương mại; (iii) Ưu đãi trong đấu thầu QT

55

## Bước 1. Chuẩn bị đấu thầu (tiếp theo)

### Quy định các Điều kiện tiên quyết đối với gói thầu MSHH / XL

- 1) Nhà thầu không có tên trong danh sách mua HSMT (trừ trường hợp được đổi tên)
- 2) Nhà thầu không đảm bảo tư cách hợp lệ theo quy định tại các điều 7, 8 của Luật ĐT
- 3) Không có bảo đảm dự thầu theo quy định
- 4) Không có bản gốc HSDT
- 5) Đơn dự thầu không hợp lệ
- 6) Hiệu lực HSDT không đúng quy định HSMT
- 7) HSDT có giá dự thầu không cố định, chào nhiều mức giá hoặc giá có kèm điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư
- 8) Nhà thầu chính có tên trong hai hoặc nhiều HSDT
- 9) Không đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm
- 10) Vi phạm một trong các hành vi bị cấm tại Điều 12 LĐT, K3 Đ2 LSD
- 11) Các yêu cầu đặc thù khác (bổ sung thêm nếu thấy cần thiết)

56

## Bước 2. Tổ chức đấu thầu

- 1) Phát hành HSMT : Bán HSMT cho nhà thầu tới trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu LD chỉ cần một thành viên mua HSMT
- 2) Làm rõ HSMT Gửi văn bản hoặc tổ chức hội nghị tiền đấu thầu
- 3) Tiếp nhận và quản lý HSDT Các HSDT nộp theo yêu cầu của HSMT phải được BMT tiếp nhận và quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ mật. Trường hợp thay đổi tư cách tham dự thầu, bên mời thầu chỉ xem xét khi nhận được văn bản thông báo của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu không tiếp nhận tài liệu bổ sung HSDT (kể cả thư giảm giá). Trường hợp xin rút HSDT nhà thầu phải có văn bản trước khi đóng thầu
- 4) Mở thầu
  - Mở công khai và mở ngay sau thời điểm đóng thầu theo thứ tự chữ cái và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của nhà thầu
  - Công bố thông tin chính nêu trong HSDT
  - Biên bản mở thầu phải được đại diện BMT, nhà thầu, cơ quan liên quan xác nhận
  - Bên mời thầu phải ký xác nhận từng trang bản gốc HSDT và quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ mật

57

## Bước 3. Đánh giá HSDT

- ❖ Nguyên tắc đánh giá HSDT : (i) Căn cứ HSMT và HSDT; (ii) Nhà thầu vượt qua bước đánh giá trước mới được xem xét bước sau; (iii) Có thể đánh giá năng lực và kinh nghiệm tại bước đánh giá sơ bộ hoặc sau khi xác định giá đánh giá
  - ❖ Nguyên tắc làm rõ HSDT : (i) Thực hiện làm rõ HSDT dưới hình thức trực tiếp / gián tiếp, (ii) Chỉ thực hiện giữa BMT và nhà thầu có HSDT cần làm rõ, (iii) Được bổ sung tài liệu pháp lý để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu nhưng không làm thay đổi bản chất HSDT và giá dự thầu
- 1) Đánh giá sơ bộ :
    - Kiểm tra tính hợp lệ : (i) Tính hợp lệ của đơn dự thầu; (ii) Tính hợp lệ của thoả thuận liên danh; (iii) Giấy CNĐKKD, CNĐT, QĐ thành lập hoặc ĐKKHĐ hợp pháp; (iii) Tính hợp lệ giấy chứng nhận / chứng chỉ chuyên môn theo yêu cầu; (iv) Số lượng bản chính, bản chụp; (v) Các phụ lục, tài liệu kèm theo HSDT
    - Loại bỏ HSDT không đáp ứng yêu cầu quan trọng (điều kiện tiên quyết)
    - Đánh giá năng lực và kinh nghiệm nhà thầu : trường hợp không sơ tuyển đánh giá theo quy định của HSMT; trường hợp sơ tuyển thì chỉ cập nhật
  - 2) Đánh giá chi tiết HSDT :
    - Đánh giá về mặt kỹ thuật để xác định HSDT đáp ứng cơ bản HSMT
    - Xác định giá đánh giá: (i) Giá dự thầu, (ii) Lỗi số học, (iii) Sai lệch, (iv) Quy đổi trên cùng mặt bằng

58

<b>Ví dụ : Đánh giá HSDT đối với gói thầu Mua sắm hàng hoá (điểm Kỹ thuật <math>\geq 75\%</math>)</b>					
Nhà thầu	A (VN)	B (NN)	C (NN)	D(VN)	E(VN)
<b>I. Kết quả đ. giá bước sơ bộ</b>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
<b>II. K. quả đ. giá bước chi tiết</b>					
1) Đánh giá kỹ thuật	75	80	78	90	76
2) <u>Xác định giá đánh giá</u> (a+b+c+d) :	<u>2.040</u>	<u>2.140</u>	<u>2.315</u>	<u>2.080</u>	<u>2.110</u>
a) Giá dự thầu (triệu đ)	2.000	1.900	1.850	2.100	2.050
b) Sửa lỗi	- 20	+ 50	-	+ 30	-
c) Hiệu chỉnh sai lệch	+ 50	+ 20	+ 280	- 50	+ 40
d) Quy đổi về cùng mặt bằng					
▪ Vận hành, bảo dưỡng	+ 10	- 20	-	-	+ 20
▪ Ưu đãi nhà thầu ( 10% )	-	+ 190	+ 185	-	-
<b>III. Xếp hạng</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>-</b>	<b>2</b>	<b>593</b>

<b>Ví dụ : Đánh giá HSDT gói thầu Xây lắp (đánh giá Kỹ thuật = đạt / không đạt)</b>					
Nhà thầu	A (VN)	B (NN)	C (NN)	D	E
<b>I. Kết quả đ. giá bước sơ bộ</b>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
<b>II. K. quả đ. giá bước chi tiết</b>					
1. K. quả đ. giá về Kỹ thuật	Đạt	Đạt	Đạt	K. đạt	K. đạt
2. <u>Xác định giá đánh giá</u> (a+b+c+d) :	<u>8.700</u>	<u>9.040</u>	<u>8.770</u>	-	-
a) Giá dự thầu (triệu đ)	8.770	8.310	8.110	8.200	8.505
b) Sửa lỗi	- 20	+ 100	- 100	-	-
c) Hiệu chỉnh sai lệch	-	-	+ 125	-	-
d) Quy đổi về cùng mặt bằng					
▪ Tiến độ thi công	- 50 (sớm 2 tháng)	-	+ 25 (muộn 1 tháng)	-	-
▪ Ưu đãi nhà thầu ( 7,5% )	-	+ 630	+ 610	-	-
<b>III. Xếp hạng</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>-</b>	<b>60</b>

## Bước 4 : Thẩm định, phê duyệt

### 1) Trình duyệt, thẩm định:

- BMT lập báo cáo KQĐT để trình chủ đầu tư và gửi cơ quan, tổ chức thẩm định
- Cơ quan, tổ chức thẩm định lập báo cáo thẩm định trình CĐT

### 2) Phê duyệt KQĐT:

- CĐT phê duyệt KQĐT căn cứ báo cáo KQĐT và Báo cáo thẩm định
- Văn bản phê duyệt KQĐT : (1) Tên nhà thầu trúng thầu; (2) Giá trúng thầu; (3) Hình thức HĐ; (4) Thời gian thực hiện HĐ; (5) Các nội dung cần lưu ý (nếu có)
- Trường hợp không có nhà thầu trúng thầu, trong văn bản phê duyệt KQĐT phải nêu rõ không có nhà thầu trúng thầu và huỷ đấu thầu để thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định

61

## Bước 5 : Thông báo kết quả đấu thầu

- 1) Thời điểm thông báo: Thông báo ngay sau khi có quyết định phê duyệt của CĐT
- 2) Hình thức thông báo: công khai trên báo Đấu thầu / Trang tin điện tử về đấu thầu và bằng văn bản cho các đối tượng liên quan
- 3) Đối tượng thông báo: Tất cả các nhà thầu tham dự thầu bao gồm nhà thầu trúng thầu và nhà thầu không trúng thầu. Trong thông báo KQĐT không phải giải thích lý do đối với nhà thầu không trúng thầu
- 4) Thông báo gửi nhà thầu trúng thầu bao gồm : (i) tên nhà thầu trúng thầu; (ii) giá trúng thầu; (iii) hình thức HĐ; thời gian thực hiện HĐ; (v) các nội dung cần lưu ý (nếu có)

62

## **Bước 6 : Thương thảo, hoàn thiện HĐ**

### **1) Căn cứ thương thảo, hoàn thiện HĐ :**

- a) KQĐT được duyệt
- b) Mẫu HĐ đã điền đủ các thông tin cụ thể của gói thầu
- c) Các yêu cầu nêu trong HSMT
- d) Nội dung HSDT và giải thích làm rõ HSDT (nếu có)
- e) Các nội dung cần được thương thảo, hoàn thiện HĐ giữa bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu

### **2) Trường hợp thương thảo, hoàn thiện không thành:**

**BMT phải báo cáo CĐT để xem xét lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo trúng thầu làm căn cứ pháp lý mời vào thương thảo, hoàn thiện HĐ. Đồng thời yêu cầu gia hạn hiệu lực HSDT và bảo đảm dự thầu (nếu có).**

63

## **Bước 7 : Ký hợp đồng**

### **1) Căn cứ ký HĐ :**

- a) Kết quả thương thảo, hoàn thiện HĐ
- b) Quyết định phê duyệt và văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu
- c) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT của nhà thầu
- d) HSMT

### **2) Điều kiện ký HĐ :**

- a) HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực
- b) Thông tin cập nhật về năng lực KT, TC của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu HSMT
- c) Có bảo đảm thực hiện HĐ trước khi HĐ có hiệu lực
- d) Giá trị HĐ không được vượt giá trúng thầu

### **3) Các bên ký HĐ :**

- a) HĐ được ký giữa chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu
- b) Trường hợp là nhà thầu liên danh, phải có chữ ký của tất cả các thành viên tham gia liên danh

64

## **II. MẪU HỒ SƠ MỜI THẦU MSHH**

(theo Quyết định 1118/BKH, 3/9/2008 của Bộ KH&ĐT)

### **Phần I Yêu cầu về thủ tục đấu thầu**

**Chương I Chỉ dẫn đối với nhà thầu**

**Chương II Bảng dữ liệu đấu thầu**

**Chương III TCFG và nội dung xác định giá đánh giá**

**Chương IV Biểu mẫu dự thầu**

### **Phần II Yêu cầu về cung cấp**

**Chương V Phạm vi cung cấp**

**Chương VI Tiến độ cung cấp**

**Chương VII Yêu cầu về mặt kỹ thuật**

### **Phần III Yêu cầu về hợp đồng**

**Chương VIII Điều kiện chung của hợp đồng**

**Chương IX Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

**Chương X Biểu mẫu về hợp đồng**

65

## **Phần I Yêu cầu về thủ tục đấu thầu**

### **Chương I Chỉ dẫn đối với nhà thầu gồm 39 Mục**

- A. Tổng quát :** gồm 7 Mục (nội dung đấu thầu, nguồn vốn, điều kiện tham dự thầu, tính hợp lệ của HH, chi phí dự thầu, HSMT- làm rõ HSMT, sửa đổi HSMT)
- B. Chuẩn bị HSDT :** gồm 11 Mục (ngôn ngữ, nội dung HSDT, thay đổi tư cách, đơn dự thầu, giá dự thầu, đồng tiền, tài liệu chứng minh tư cách - KN+NL, xuất xứ, bảo đảm dự thầu, hiệu lực HSDT, quy cách HSDT)
- C. Nộp HSDT :** gồm 4 Mục (niêm phong HSDT, thời hạn nộp HSDT, HSDT nộp muộn, sửa đổi/rút HSDT)
- D. Mở thầu và đánh giá HSDT :** gồm 10 Mục (mở thầu, làm rõ HSDT, đánh giá sơ bộ, đánh giá về mặt kỹ thuật, xác định giá đánh giá, sửa lỗi, hiệu chỉnh các sai lệch, chuyển đổi sang một đồng tiền chung, mặt bằng đánh giá, tiếp xúc với BMT)
- E. Trúng thầu :** gồm 7 Mục (điều kiện trúng thầu, chấp nhận/loại bỏ HSDT, thông báo KQĐT, thương thảo, hoàn thiện và ký HĐ, BĐTHHĐ, kiến nghị, xử lý vi phạm)

66

## **Phần I Yêu cầu về thủ tục đấu thầu (tiếp theo)**

### **Chương II Bảng Dữ liệu đấu thầu**

- Chi tiết hóa 26 Mục của chương I
- Trường hợp nội dung tương ứng có sự khác biệt thì nội dung nêu tại Chương II có giá trị ưu tiên

### **Chương III Tiêu chuẩn đánh giá và nội dung xác định giá đánh giá**

- Tiêu chuẩn đánh giá về kinh nghiệm và năng lực
- Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật
- Nội dung xác định giá đánh giá

### **Chương IV Biểu mẫu dự thầu (11 Mẫu)**

- Đơn dự thầu, giấy ủy quyền, Biểu giá chào, danh mục các hợp đồng tương tự đã và đang thực hiện, kê khai năng lực và kinh nghiệm, bảo lãnh dự thầu, giấy phép bán hàng...

67

## **Phần II Yêu cầu về cung cấp**

### **Chương V Phạm vi cung cấp**

- Liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa yêu cầu cung cấp, nêu rõ số lượng, chủng loại yêu cầu...

### **Chương VI Tiến độ cung cấp**

- Nêu rõ tên hàng hóa với số lượng yêu cầu, địa điểm và tiến độ cung cấp

### **Chương VII Yêu cầu về mặt kỹ thuật**

- Bao gồm các yêu cầu về đặc tính, quy cách kỹ thuật thuần túy căn cứ theo QĐĐT, TKKT
- Quy định về giấy phép bán hàng của nhà SX/ ủy quyền bán hàng của đại lý phân phối
- Trường hợp cần nêu nhãn hiệu để tham khảo, minh họa phải kèm theo cụm từ “hoặc tương đương”

68



## **Phần III Yêu cầu về Hợp đồng**

**Chương VIII Điều kiện chung của Hợp đồng (gồm 27 điều khoản quy định các nguyên tắc chung)**

**Chương IX Điều kiện cụ thể của Hợp đồng (chi tiết hóa 14 điều khoản từ Điều kiện chung của Hợp đồng)**

**Chương X Biểu mẫu về Hợp đồng gồm 3 mẫu**

- **Văn bản hợp đồng**
- **Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng**
- **Bảo lãnh tiền tạm ứng**

69

## **III. MẪU HỒ SƠ MỜI THẦU XÂY LẮP** (theo Quyết định 731/BKH, 10/6/2008 của Bộ KH&ĐT)

**Phần I Yêu cầu về thủ tục đấu thầu**

**Chương I Chỉ dẫn đối với nhà thầu**

**Chương II Bảng dữ liệu đấu thầu**

**Chương III TCDG và nội dung xác định giá đánh giá**

**Chương IV Biểu mẫu dự thầu**

**Phần II Yêu cầu về xây lắp**

**Chương V Giới thiệu dự án và gói thầu**

**Chương VI Bảng tiên lượng**

**Chương VII Yêu cầu về tiến độ thực hiện**

**Chương VIII Yêu cầu về mặt kỹ thuật**

**Chương IX Các bản vẽ**

**Phần III Yêu cầu về hợp đồng**

**Chương X Điều kiện chung của hợp đồng**

**Chương XI Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

**Chương XII Mẫu hợp đồng**

70

## Phần I Yêu cầu về thủ tục đấu thầu

### Chương I Chỉ dẫn đối với nhà thầu gồm 41 Mục

- A. Tổng quát : gồm 8 Mục (nội dung đấu thầu, nguồn vốn, điều kiện tham dự thầu, tính hợp lệ của VTTB, chi phí dự thầu, HSMT, khảo sát hiện trường, sửa đổi HSMT)
- B. Chuẩn bị HSDT : gồm 12 Mục (ngôn ngữ, nội dung HSDT, thay đổi tư cách, đơn dự thầu, đề xuất phương án kỹ thuật thay thế, đề xuất biện pháp thi công, giá dự thầu, đồng tiền, tài liệu chứng minh tư cách - KN+NL, bảo đảm dự thầu, hiệu lực HSDT, quy cách HSDT)
- C. Nộp HSDT : gồm 4 Mục (niêm phong HSDT, thời hạn nộp HSDT, HSDT nộp muộn, rút HSDT)
- D. Mở thầu và đánh giá HSDT : gồm 10 Mục (mở thầu, làm rõ HSDT, đánh giá sơ bộ, đánh giá về mặt kỹ thuật, xác định giá đánh giá, sửa lỗi, hiệu chỉnh các sai lệch, chuyển đổi sang một đồng tiền chung, mặt bằng đánh giá, tiếp xúc với BMT)
- E. Trúng thầu : gồm 7 Mục (điều kiện trúng thầu, chấp nhận/loại bỏ HSDT, thông báo KQĐT, thương thảo, hoàn thiện và ký HĐ, BĐTHHĐ, kiến nghị, xử lý vi phạm)

71

## Phần I Yêu cầu về thủ tục đấu thầu (tiếp theo)

### Chương II Bảng Dữ liệu đấu thầu

- Chi tiết hóa 26 Mục của chương I
- Trường hợp nội dung tương ứng có sự khác biệt thì nội dung nêu tại Chương II có giá trị ưu tiên

### Chương III Tiêu chuẩn đánh giá và nội dung xác định giá đánh giá

- Tiêu chuẩn đánh giá về kinh nghiệm và năng lực
- Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật
- Nội dung xác định giá đánh giá

### Chương IV Biểu mẫu dự thầu (15 Mẫu)

- Đơn dự thầu, giấy ủy quyền, thỏa thuận liên danh, bảng kê khai máy móc thiết bị thi công chủ yếu, bảng kê khai thiết bị thí nghiệm kiểm tra, danh sách các nhà thầu phụ quan trọng, phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ, danh sách cán bộ chủ chốt điều hành thi công, bảng kê khai NL+KN của cán bộ chủ chốt, biểu tổng hợp giá dự thầu, biểu chi tiết giá dự thầu, bảng phân tích đơn giá dự thầu, bảng tính giá VLXD theo đơn giá, danh mục các hợp đồng tương tự đã và đang thực hiện, kê khai năng lực TC, bảo lãnh dự thầu

72

## **Phần II Yêu cầu về xây lắp**

### **Chương V Giới thiệu Dự án và gói thầu**

- Giới thiệu khái quát thông tin về Dự án và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án, quy mô của dự án, thời gian thực hiện gói thầu...

### **Chương VI Bảng tiên lượng**

- Liệt kê khối lượng công việc mà nhà thầu phải thực hiện làm căn cứ để nhà thầu tính toán giá dự thầu

### **Chương VII Yêu cầu về tiến độ thực hiện**

- Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành theo ngày/tuần/tháng

### **Chương VIII Yêu cầu về mặt kỹ thuật**

- Bao gồm các quy trình, quy phạm, các yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, các yêu cầu về chủng loại VTTB, các yêu cầu về trình tự thi công, vận hành thử, phòng chống cháy nổ, VSMT, an toàn lao động, biện pháp huy động nhân lực và thiết bị thi công, biện pháp tổ chức thi công tổng thể, hệ thống kiểm tra chất lượng...

### **Chương IX Các bản vẽ**

- Liệt kê các bản vẽ theo quy định của pháp luật xây dựng

73

## **Phần III Yêu cầu về Hợp đồng**

### **Chương X Điều kiện chung của Hợp đồng (gồm 37 điều khoản quy định các nguyên tắc chung)**

### **Chương XI Điều kiện cụ thể của Hợp đồng (chi tiết hóa 25 điều khoản từ Điều kiện chung của Hợp đồng)**

### **Chương XII Mẫu Hợp đồng gồm 3 mẫu**

- Văn bản hợp đồng
- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng
- Bảo lãnh tiền tạm ứng

74

## Chuyên đề 7

# ĐẤU THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN

### Các nội dung chính :

#### I. Quy trình đấu thầu DVTV đối với nhà thầu là tổ chức (các Điều 15 - 21 NĐ 85/CP)

- 1) Chuẩn bị đấu thầu (lập DS ngắn nhà thầu, lập HSMT, mời thầu)
- 2) Tổ chức đấu thầu (bán HSMT, làm rõ HSMT, nhận và q. lý HSDT, mở thầu)
- 3) Đánh giá HSDT (đánh giá sơ bộ, đánh giá chi tiết, đàm phán HĐ)
- 4) Thẩm định và phê duyệt KQĐT (BMT trình duyệt kết quả đấu thầu, tổ chức thẩm định kết quả đấu thầu, CĐT phê duyệt)
- 5) Thông báo KQĐT (BMT thông báo công khai kết quả đấu thầu cho các nhà thầu : tên nhà thầu trúng thầu, giá trúng thầu, h. thức HĐ, t gian t. hiện HĐ)
- 6) Thương thảo, hoàn thiện HĐ (hoàn chỉnh văn kiện HĐ trước khi ký, trường hợp không thành BMT trình chủ đầu tư quyết định)
- 7) Ký kết HĐ (HĐ được ký giữa chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu, đảm bảo HSDT còn hiệu lực, thông tin về năng lực nhà thầu phải được cập nhật)

#### II. Quy trình đấu thầu DVTV đối với nhà thầu là cá nhân (Điều 22 NĐ 85/CP)

#### III. Mẫu HSMT DVTV

75

## I. QUY TRÌNH ĐẤU THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN

### Bước 1. Chuẩn bị đấu thầu

- 1) Trường hợp ĐTRR áp dụng lựa chọn danh sách ngắn
  - Thông báo nộp Hồ sơ quan tâm: 3 kỳ liên tiếp trên báo Đấu thầu, trên trang thông tin điện tử về đấu thầu. Trường hợp đấu thầu quốc tế, còn phải đăng tải đồng thời bằng tiếng Anh trên báo Đấu thầu.
  - HSMQT được phát hành miễn phí kể từ ngày đăng tải đầu tiên. HSMQT bao gồm các yêu cầu: (1) Năng lực và số lượng chuyên gia; (2) Kinh nghiệm
  - Thời gian chuẩn bị HSQT: Trong nước  $\geq 10$  ngày; Quốc tế  $\geq 20$  ngày
- 2) Lập HSMT bao gồm các nội dung :
  - Yêu cầu về mặt kỹ thuật : các yêu cầu về kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn đối với chuyên gia được thể hiện trong Điều khoản tham chiếu (TOR)
  - Yêu cầu về mặt tài chính, thương mại: chi phí thực hiện gói thầu, giá chào, phương thức thanh toán, nguồn tài chính, đồng tiền dự thầu
  - Tiêu chuẩn đánh giá, điều kiện tiên quyết, điều kiện ưu đãi, thuế, bảo hiểm...
- 3) Mời thầu:
  - a) Trường hợp ĐTRR không lựa chọn danh sách ngắn : Đăng thông báo mời thầu 3 kỳ liên tiếp trên báo Đấu thầu, trên trang thông tin điện tử về đấu thầu. Trường hợp đấu thầu quốc tế, còn phải đăng tải đồng thời bằng tiếng Anh trên báo Đấu thầu.
  - b) Trường hợp ĐTHC và ĐTRR có danh sách mời: Bên mời thầu gửi thư mời thầu đến các nhà thầu theo danh sách được mời tham gia (TN:  $\geq 5$  ngày; QT:  $\geq 7$  ngày)

76

## **Bước 1. Chuẩn bị đấu thầu (tiếp theo)**

### **Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá HSDT**

#### **A. Tư vấn thông thường :**

1) **Tiêu chuẩn đánh giá về mặt Kỹ thuật** (sử dụng thang điểm 100 hoặc 1000, xác định mức điểm tối thiểu về mặt KT không < 70%):

- Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu: 10-20% tổng số điểm
- Giải pháp và phương pháp luận: 30-40% tổng số điểm
- Nhân sự : 50-60% tổng số điểm

2) **Tiêu chuẩn đánh giá về mặt tài chính**

- Sử dụng thang điểm 100 hoặc 1000
- Điểm TC của HSDT đang xét = (Giá DT thấp nhất x 100, 1000) / Giá DT nhà thầu đang xét

3) **Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp**

- Điểm tổng hợp = Điểm KT x (K%) + Điểm TC x (G%)
- Điều kiện : K% ≥ 70%; G% ≤ 30%

#### **B. Tư vấn có yêu cầu Kỹ thuật cao :**

Chỉ xây dựng Tiêu chuẩn đánh giá về mặt Kỹ thuật như Tư vấn thông thường nhưng không được quy định mức tối thiểu < 80% tổng số điểm KT

77

## **Bước 1. Chuẩn bị đấu thầu (tiếp theo)**

### **Quy định điều kiện tiên quyết trong HSMT**

- 1) Nhà thầu không có tên trong danh sách mua HSMT (trừ trường hợp được đổi tên)
- 2) Nhà thầu không đảm bảo tư cách hợp lệ theo quy định tại các điều 7, 8 của Luật Đấu thầu
- 3) Không đảm bảo điều kiện năng lực theo Luật Xây dựng
- 4) Không có bản gốc HSDT
- 5) Đơn dự thầu không hợp lệ
- 6) Hiệu lực HSDT không đúng quy định trong HSMT
- 7) Nhà thầu có tên trong hai hoặc nhiều HSDT
- 8) Vi phạm một trong các hành vi bị cấm tại Điều 12 LĐT, K3 Đ2 LSD
- 9) HSDT có giá dự thầu không cố định hoặc chào theo nhiều mức giá
- 10) Các yêu cầu đặc thù khác (bổ sung thêm nếu thấy cần thiết)

78

## Bước 2. Tổ chức đấu thầu

- 1) **Phát hành HSMT** : Bán HSMT cho nhà thầu tới trước thời điểm đóng thầu.  
Nhà thầu liên danh chỉ cần một thành viên mua HSMT
- 2) **Làm rõ HSMT** Gửi văn bản hoặc tổ chức hội nghị tiền đấu thầu
- 3) **Tiếp nhận và quản lý HSDT** Các HSDT nộp theo yêu cầu của HSMT phải được BMT tiếp nhận và quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ mật. Trường hợp thay đổi tư cách tham dự thầu, bên mời thầu chỉ xem xét khi nhận được văn bản thông báo của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu không tiếp nhận tài liệu bổ sung HSDT (kể cả thư giảm giá), Trường hợp xin rút HSDT nhà thầu phải có văn bản trước khi đóng thầu
- 4) **Mở thầu**
  - Mở công khai và mở ngay sau thời điểm đóng thầu theo thứ tự chữ cái và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của nhà thầu
  - Công bố thông tin chính nêu trong HSDT
  - Biên bản mở thầu phải được đại diện BMT, nhà thầu, cơ quan liên quan xác nhận
  - Bên mời thầu phải ký xác nhận từng trang bản gốc HSDT và quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ mật

79

## Bước 3. Đánh giá HSDT

- ❖ Nguyên tắc đánh giá HSDT : (i) Căn cứ HSMT và HSDT; (ii) Nhà thầu vượt qua bước đánh giá trước mới được xem xét bước sau
- ❖ Nguyên tắc làm rõ HSDT : (i) Thực hiện làm rõ HSDT dưới hình thức trực tiếp / gián tiếp, (ii) Chỉ thực hiện giữa BMT và nhà thầu có HSDT cần làm rõ, (iii) Được bổ sung tài liệu pháp lý để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu nhưng không làm thay đổi bản chất HSDT và giá DT

### Tư vấn thông thường

#### 1. Đánh giá sơ bộ (Đề xuất KT)

- a) Kiểm tra tính hợp lệ : (i) Tính hợp lệ của đơn dự thầu; (ii) Tính hợp lệ của thoả thuận liên danh; (iii) Giấy CNĐKKD, CNĐT, QĐ thành lập hoặc ĐKKH hợp pháp; (iv) Tính hợp lệ giấy chứng nhận / chứng chỉ chuyên môn theo yêu cầu; (v) Số lượng bản chính, bản chụp; (v) Các phụ lục, tài liệu kèm theo HSDT
- b) Loại bỏ HSDT không đáp ứng yêu cầu quan trọng (điều kiện tiên quyết)

#### 2. Đánh giá chi tiết

- a) **Đánh giá về mặt KT** : (i) Đánh giá theo TCĐG; (ii) HSDT đáp ứng yêu cầu phải được chú đầu tư phê duyệt
- b) **Đánh giá về TC** : Mở HS đề xuất TC của các nhà thầu đáp ứng về KT và đánh giá theo TCĐG về mặt tài chính
- c) **Đánh giá tổng hợp** : Đánh giá chung về KT và TC theo TCĐG. Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ 1 và được mời vào thương thảo HĐ

#### 3. Đàm phán HĐ

80

### Bước 3. Đánh giá HSDT

#### Tư vấn yêu cầu kỹ thuật cao

##### 1. Đánh giá sơ bộ (Đề xuất KT)

- a) Kiểm tra tính hợp lệ : (i) Tính hợp lệ của đơn dự thầu; (ii) Tính hợp lệ của thoả thuận liên danh; (iii) Giấy CNĐKKD, CNĐT, QĐ thành lập hoặc ĐKKHĐ hợp pháp; (iii) Tính hợp lệ giấy chứng nhận / chứng chỉ chuyên môn theo yêu cầu; (iv) Số lượng bản chính, bản chụp; (v) Các phụ lục, tài liệu kèm theo HSDT
- b) Loại bỏ HSDT không đáp ứng yêu cầu quan trọng (điều kiện tiên quyết)

##### 2. Đánh giá chi tiết

- a) Đánh giá về mặt KT : (i) Đánh giá theo TCĐG; (ii) HSDT đáp ứng yêu cầu phải được chú đầu tư phê duyệt
- b) Đánh giá về TC : Mở HS đề xuất TC của nhà thầu đáp ứng về KT và đạt số điểm cao nhất để thương thảo Hợp đồng

##### 3. Đàm phán HĐ

81

#### Ví dụ : Đánh giá HSDT Tư vấn thông thường

Tên nhà thầu	Đánh giá Kỹ thuật	Giá dự thầu	Đánh giá Tài chính	Đánh giá tổng hợp			Xếp hạng
				(Hệ số: K=90% G=10%)			
(các nhà thầu đã vượt qua đánh giá sơ bộ) (1)	(nhà thầu phải đạt $\geq 75\%$ TS điểm) (2)	(triệu đ) (3)	Điểm TC (4) = 2500 : giá dự thầu ) X100	Điểm Kỹ thuật x (K%) (5)	Điểm Tài chính x (G%) (6)	Điểm Tổng hợp (7)=(5+6)	
A	92	3.000	83,3	82,8	8,3	91,1	2
B	91	2.600	96,1	81,9	9,6	91,5	1
C	90	2.800	89,3	81,0	8,9	89,9	3
D	85	2.500	100,0	76,5	10,0	86,5	4
E	78	2.700	92,6	70,2	9,2	79,4	5

## Bước 4 : Thẩm định, phê duyệt

### 1) Trình duyệt, thẩm định:

- BMT lập báo cáo KQĐT để trình chủ đầu tư và gửi cơ quan, tổ chức thẩm định
- Cơ quan, tổ chức thẩm định lập báo cáo thẩm định trình CĐT

### 2) Phê duyệt KQĐT:

- CĐT phê duyệt KQĐT căn cứ báo cáo KQĐT và Báo cáo thẩm định
- Văn bản phê duyệt KQĐT : (1) Tên nhà thầu trúng thầu; (2) Giá trúng thầu; (3) Hình thức hợp đồng; (4) Thời gian thực hiện hợp đồng; (5) Các nội dung cần lưu ý (nếu có)
- Trường hợp không có nhà thầu trúng thầu, trong văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu phải nêu rõ không có nhà thầu trúng thầu và huỷ đấu thầu để thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định

83

## Bước 5 : Thông báo kết quả đấu thầu

- 1) Thời điểm thông báo: Thông báo ngay sau khi có quyết định phê duyệt của CĐT
- 2) Hình thức thông báo: công khai trên Tờ báo / Trang tin điện tử về đấu thầu và bằng văn bản cho các đối tượng liên quan
- 3) Đối tượng thông báo : Tất cả các nhà thầu tham dự thầu bao gồm nhà thầu trúng thầu và nhà thầu không trúng thầu. Trong thông báo KQĐT không phải giải thích lý do đối với nhà thầu không trúng thầu
- 4) Thông báo gửi nhà thầu trúng thầu bao gồm: (i) tên nhà thầu trúng thầu; (ii) giá trúng thầu; (iii) hình thức HĐ; thời gian thực hiện HĐ; (v) nội dung cần lưu ý (nếu có)

84



## **Bước 6 : Thương thảo, hoàn thiện HĐ**

### **1) Căn cứ thương thảo, hoàn thiện HĐ :**

- a) KQĐT được duyệt
- b) Mẫu HĐ đã điền đủ các thông tin cụ thể của gói thầu
- c) Các yêu cầu nêu trong HSMT
- d) Nội dung HSDT và giải thích làm rõ HSDT (nếu có)
- e) Các nội dung cần được thương thảo, hoàn thiện HĐ giữa bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu

### **2) Trường hợp thương thảo, hoàn thiện không thành**

BMT phải báo cáo Chủ đầu tư để xem xét lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo trúng thầu làm căn cứ pháp lý mời vào thương thảo HĐ. Đồng thời yêu cầu gia hạn hiệu lực HSDT (nếu cần thiết).

85

## **Bước 7 : Ký hợp đồng**

### **1) Căn cứ ký HĐ :**

- a) Kết quả thương thảo, hoàn thiện HĐ
- b) Quyết định phê duyệt và văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu
- c) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT của nhà thầu
- d) HSMT

### **2) Điều kiện ký HĐ :**

- a) HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực
- b) Thông tin cập nhật về năng lực KT, TC của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu HSMT
- c) Giá HĐ không được vượt giá trúng thầu

### **3) Các bên ký HĐ :**

- a) HĐ được ký giữa chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu
- b) Trường hợp là nhà thầu liên danh, phải có chữ ký của tất cả các thành viên tham gia liên danh

86

## **II. MẪU HỒ SƠ MỜI THẦU TƯ VẤN**

(theo Quyết định 1048/BKH, 11/8/2008 của Bộ KH&ĐT)

### **Phần I Yêu cầu về thủ tục đấu thầu**

**Chương I Chỉ dẫn đối với nhà thầu**

**Chương II Bảng dữ liệu đấu thầu**

**Chương III Tiêu chuẩn đánh giá**

### **Phần II Mẫu đề xuất kỹ thuật**

### **Phần III Mẫu đề xuất tài chính**

### **Phần IV Điều khoản tham chiếu**

### **Phần V Yêu cầu về hợp đồng**

**Chương IV Điều kiện chung của hợp đồng**

**Chương V Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

**Chương VI Mẫu về hợp đồng**

87

## **Phần I Yêu cầu về thủ tục đấu thầu**

**Chương I Chỉ dẫn đối với nhà thầu gồm 34 Mục**

- A. Tổng quát :** gồm 5 Mục (giới thiệu về dự án và gói thầu, điều kiện tham gia đấu thầu, chi phí dự thầu, HSMT- làm rõ HSMT, sửa đổi HSMT)
- B. Chuẩn bị HSDT :** gồm 9 Mục (ngôn ngữ, nội dung HSDT, thay đổi tư cách, đơn dự thầu, đồng tiền, tài liệu chứng minh KN+NL, hiệu lực HSDT, quy cách HSDT)
- C. Nộp HSDT :** gồm 4 Mục (niêm phong HSDT, thời hạn nộp HSDT, HSDT nộp muộn, sửa đổi/rút HSDT)
- D. Mở thầu và đánh giá HSDT :** gồm 14 Mục (mở HSDXKT, đánh giá sơ bộ HSDXKT, đánh giá chi tiết HSDXKT, mở HSDXTC, đánh giá HSDXTC và đánh giá tổng hợp (chỉ áp dụng đối với TV thông thường), sửa lỗi, hiệu chỉnh các sai lệch, làm rõ HSDT, đàm phán HĐ)
- E. Trúng thầu :** gồm 6 Mục (điều kiện trúng thầu, chấp nhận/loại bỏ HSDT, thông báo KQĐT, thương thảo, hoàn thiện và ký HĐ, kiến nghị, xử lý vi phạm)

88

## **Phần I Yêu cầu về thủ tục đấu thầu (tiếp theo)**

### **Chương II Bảng Dữ liệu đấu thầu**

- Chi tiết hóa 21 Mục của chương I
- Trường hợp nội dung tương ứng có sự khác biệt thì nội dung nêu tại Chương II có giá trị ưu tiên

### **Chương III Tiêu chuẩn đánh giá**

- Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật
- Tiêu chuẩn đánh giá về mặt tài chính (TV thông thường)
- Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp (TV thông thường)

89

## **Phần II Mẫu đề xuất kỹ thuật**

- Mẫu 1 : Đơn dự thầu
- Mẫu 2 : Giấy ủy quyền
- Mẫu 3 : Thỏa thuận liên danh
- Mẫu 4 : Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm nhà thầu
- Mẫu 5 : Góp ý Điều khoản tham chiếu
- Mẫu 6 : Giả pháp và phương pháp luận do nhà thầu đề xuất
- Mẫu 7 : Danh sách chuyên gia tư vấn
- Mẫu 8 : Lý lịch chuyên gia tư vấn
- Mẫu 9 : Lịch công tác cho từng vị trí chuyên gia
- Mẫu 10 : Chương trình công tác

90

### **Phần III Mẫu đề xuất tài chính**

- **Mẫu 11 Đơn dự thầu**
- **Mẫu 12 Tổng hợp chi phí (cho HĐ theo thời gian)**
- **Mẫu 13.1 Thù lao cho chuyên gia nước ngoài**
- **Mẫu 13.2 Chi phí khác cho chuyên gia nước ngoài**
- **Mẫu 13.3 Thù lao cho chuyên gia Việt Nam**
- **Mẫu 14 Tổng hợp chi phí (cho HĐ trọn gói)**

91

### **Phần IV Điều khoản tham chiếu**

- A. Giới thiệu**
- B. Phạm vi công việc**
- C. Báo cáo và thời gian thực hiện**
- D. Trách nhiệm của bên mời thầu**

92

## **Phần V Yêu cầu về Hợp đồng**

**Chương IV Điều kiện chung của Hợp đồng (gồm 19 điều khoản quy định các nguyên tắc chung)**

**Chương V Điều kiện cụ thể của Hợp đồng (chi tiết hóa 11 điều khoản từ Điều kiện chung của Hợp đồng)**

**Chương VI Mẫu về Hợp đồng gồm 2 mẫu (cho hình thức trọn gói và theo đơn giá)**

93

## **Chuyên đề 8 QUY TRÌNH LỰA CHỌN KHÁC**

### **Các nội dung chính :**

- I. Quy trình chỉ định thầu thông thường**
- II. Quy trình chỉ định thầu rút gọn**
- III. Quy trình mua sắm trực tiếp**
- IV. Quy trình chào hàng cạnh tranh**
- V. Quy trình đấu thầu gói thầu quy mô nhỏ**

94

## **I. CHỈ ĐỊNH THẦU THÔNG THƯỜNG**

(Điều 41 NĐ 85/CP)

- 1) **Lập và phát hành HSYC : HSYC do Chủ đầu tư phê duyệt (TV: không nêu TCĐG tổng hợp; MSHH/XL: không quy định nội dung xác định giá đánh giá)**
- 2) **Chuẩn bị và nộp Hồ sơ đề xuất : Nhà thầu được chỉ định thầu do CĐT xác định chuẩn bị HSDX về KT, TC, TM**
- 3) **Đánh giá, đàm phán HSDX: đảm bảo các điều kiện (i) Có đủ năng lực và kinh nghiệm; (ii) Có Đề xuất về kỹ thuật đáp ứng HSYC; (iii) Có giá đề nghị chỉ định thầu không vượt dự toán (giá gói thầu) được duyệt**
- 4) **Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt**
- 5) **Thương thảo, hoàn thiện và ký kết HĐ**

95

## **II. CHỈ ĐỊNH THAU GỌI THAU $\leq$ 500 TR. Đ**

(Điều 41 NĐ 85/CP)

- 1) **Lập và gửi Dự thảo Hợp đồng cho nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu**
- 2) **Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu xem xét Dự thảo Hợp đồng**
- 3) **Bên mời thầu và nhà thầu thương thảo về Dự thảo Hợp đồng**
- 4) **Bên mời thầu trình chủ đầu tư phê duyệt kết quả chỉ định thầu**
- 5) **Chủ đầu tư và nhà thầu được chỉ định thầu ký kết Hợp đồng**

96

### **III. QUY TRÌNH MUA SẴM TRỰC TIẾP**

(Điều 42 NB 85/CP)

- 1) Lập và phát hành Hồ sơ yêu cầu**
- 2) Chuẩn bị và nộp Hồ sơ đề xuất**
- 3) Đánh giá Hồ sơ đề xuất và đàm phán với nhà thầu**
- 4) Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp**
- 5) Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng**
- 6) Ký kết Hợp đồng**

97

### **IV. QUY TRÌNH CHÀO HÀNG CẠNH TRANH**

(Điều 43 NB 85/CP)

- 1. Lập và phát hành HSYC chào hàng :** HSYCCH do Chủ đầu tư phê duyệt bao gồm yêu cầu về mặt KT (số lượng, tiêu chuẩn, đặc tính KT, thời hạn cung cấp, hiệu lực báo giá, thời điểm nộp báo giá, các nội dung bảo hành bảo trì...Đánh giá theo tiêu chí “đạt / không đạt”. Thông báo mời chào hàng trên báo Đấu thầu 3 kỳ liên tiếp và trên trang thông tin điện tử về đấu thầu. HSYCCH được phát hành ngay từ ngày đăng tải đầu tiên.
- 2. Chuẩn bị và nộp báo giá, tiếp nhận và quản lý các báo giá :** Thời gian chuẩn bị báo giá  $\geq 5$  ngày. Nộp trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc Fax. Bên mời thầu lập và gửi văn bản tiếp nhận các HSDX (báo giá) cho các nhà thầu đã nộp báo giá
- 3. Đánh giá các báo giá:** Các báo giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được xem xét giá chào. Nhà thầu có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và không vượt giá gói thầu sẽ được xét chọn
- 4. Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt kết quả chào hàng :** Chủ đầu tư phê duyệt kết quả chào hàng ; Bên mời thầu phải thông báo kết quả chào hàng cho các nhà thầu nộp báo giá
- 5. Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng :** Bên mời thầu và nhà thầu
- 6. Ký hợp đồng :** Chủ đầu tư và nhà thầu

98

## **V. QUY TRÌNH ĐẦU THẦU GÓI THẦU QUY MÔ NHỎ** **MSHH ≤ 5 tỷ đ; XL, EPC ≤ 8 tỷ đ (Điều 33 NĐ 85/CP)**

1. **Lập HSMT :** Bên mời thầu hoặc thuê tư vấn thực hiện (căn cứ Mẫu HSMT theo Quyết định số 1744/2008/QĐ-BKH ngày 29/12/2008 của Bộ KH&ĐT)
2. **Mời thầu và phát hành HSMT :** Thông báo mời thầu / gửi thư mời thầu; HSMT được phát hành kể từ khi đăng tải
3. **Chuẩn bị và nộp HSDT :** Thời gian lập HSDT tối thiểu 10 ngày kể từ ngày phát hành HSMT (nhà thầu chỉ nộp Bảo đảm dự thầu là 1% giá gói thầu)
4. **Đánh giá các HSDT:** Đánh giá năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật theo tiêu chí đánh giá “đạt / không đạt”. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật và có giá dự thầu thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và không vượt giá gói thầu sẽ được xét chọn; Thời gian đánh giá HSDT tối đa là 12 ngày
5. **Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt KQĐT :** BMT trình Chủ đầu tư phê duyệt; **Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng :** Bên mời thầu và nhà thầu
6. **Ký hợp đồng :** Chủ đầu tư và nhà thầu, Bảo đảm thực hiện HĐ là 3% giá HĐ

99

## **Chuyên đề 9** **QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU**

### **Các nội dung chính :**

- I. Quản lý nhà nước về đấu thầu**
- II. Quyền và nghĩa vụ của các bên**
- III. Phân cấp trong đấu thầu**
- IV. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu**
- V. Xử lý vi phạm trong đấu thầu**
- VI. Tình huống trong đấu thầu**

100



## **I. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤU THẦU**

**Nội dung quản lý nhà nước về đấu thầu : (Điều 66 LĐT)**

- 1) Ban hành, phổ biến hướng dẫn văn bản QPPL**
- 2) Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ**
- 3) Tổng kết đánh giá báo cáo tình hình đấu thầu**
- 4) Quản lý Hệ thống thông tin đấu thầu**
- 5) Hợp tác quốc tế**
- 6) Kiểm tra / thanh tra, giải quyết kiến nghị khiếu nại tố cáo trong đấu thầu**

101

## **II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN TRONG ĐẤU THẦU**

- 1) Người có thẩm quyền (K 18 Điều 2 LSD)**
- 2) Chủ đầu tư (Điều 61 LĐT, K19 Điều 2 LSD)**
- 3) Bên mời thầu (Điều 62 LĐT)**
- 4) Tổ chuyên gia đấu thầu (Điều 63 LĐT)**
- 5) Nhà thầu (Điều 64 LĐT)**
- 6) Cơ quan, tổ chức thẩm định (Điều 65 LĐT)**

102

### III. PHÂN CẤP TRONG ĐẦU THẦU

#### 1. Phê duyệt trong đấu thầu

- Thủ tướng Chính phủ (Điều 54 NĐ 85/CP)
- Bộ trưởng, Chủ tịch UBND tỉnh (Điều 55 NĐ 85/CP)
- Chủ tịch UBND cấp huyện, xã (Điều 56 NĐ 85/CP)
- HĐQT hoặc giám đốc doanh nghiệp (Điều 57 NĐ 85/CP)
- HĐQT DN liên doanh, cổ phần, HĐHTKD (Điều 58 NĐ 85/CP)

#### 2. Thẩm định trong đấu thầu (Điều 59 NĐ 85/CP)

- Giúp TTCP : Bộ KH&ĐT
- Giúp chủ tịch UBND tỉnh : Sở KH&ĐT
- Giúp Bộ trưởng : do Bộ trưởng quy định
- Giúp chủ tịch UBND huyện : Phòng TC -KH
- Các trường hợp khác : do thủ trưởng cơ quan liên quan quy định
- Giúp CĐT : do CĐT tự quy định hoặc lựa chọn Tư vấn / cá nhân

103

### IV. GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ (Điều 72+73 LĐT, Điều 60-62 NĐ 85/CP)

#### 1. Nguyên tắc giải quyết kiến nghị

- a) Nhà thầu dự thầu có quyền kiến nghị về KQĐT và những vấn đề liên quan
- b) Người có trách nhiệm giải quyết kiến nghị về đấu thầu là : (1) Bên mời thầu; (2) Chủ đầu tư; (3) Người có thẩm quyền
- c) Thời gian để kiến nghị liên quan đến KQĐT tối đa là 10 ngày kể từ khi có thông báo KQĐT. Trường hợp khác, thời gian kiến nghị kể từ khi xảy ra sự việc đến khi có thông báo KQĐT

#### 2. Quy trình giải quyết kiến nghị

- a) Trường hợp nội dung kiến nghị không phải là KQĐT : 3 cấp giải quyết : (1) gửi đến Bên mời thầu (thời hạn tối đa 5 ngày); (2) gửi đến Chủ đầu tư (7 ngày); (3) gửi đến Người có thẩm quyền (10 ngày)
- b) Trường hợp nội dung kiến nghị là KQĐT : 3 cấp giải quyết : (1) gửi đến Bên mời thầu (5 ngày); (2) gửi đến Chủ đầu tư (7 ngày); (3) gửi đồng thời đến người có thẩm quyền và đến Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị (gồm Chủ tịch Hội đồng là đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu, đại diện người có thẩm quyền và đại diện Hiệp hội nghề nghiệp)
  - HĐQT có báo cáo kết quả làm việc trong thời hạn tối đa là 20 ngày (chỉ có 2 cấp HĐQT : TW và Bộ /Địa phương)
  - Người có thẩm quyền phải ra quyết định giải quyết kiến nghị tối đa là 5 ngày kể từ khi HĐQT có báo cáo kết quả làm việc

104

## V. XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẤU THẦU (Điều 75 LĐT, Điều 63-66 NĐ 85/CP)

- ❖ Nguyên tắc xử phạt : (i) theo 3 hình thức (CBCC theo PLCBCC), (ii) q. định xử phạt gửi người bị xử phạt, Bộ KH&ĐT, CQ liên quan, (iii) q. định xử phạt hiệu lực cả nước, (iv) người bị xử phạt có quyền kiện ra tòa án
- ❖ Thẩm quyền xử phạt : Người có thẩm quyền. Trường hợp bị cảnh cáo  $\geq 3$  lần - Bộ KH&ĐT xử lý cấm 6 tháng, thêm 1 hành vi bị cấm tương ứng thêm 3 tháng nhưng không quá 3 năm
- ❖ Cảnh cáo : Vi phạm các nội dung ngoài các trường hợp Luật cấm tại Điều 12 Luật đấu thầu và K21 Điều 2 LSD
- ❖ Phạt tiền : Hành vi vi phạm gây hậu quả làm thiệt hại đến lợi ích của các bên theo Nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực KH-ĐT
- ❖ Cấm tham gia hoạt động đấu thầu : khi vi phạm quy định tại Điều 12 Luật đấu thầu theo 3 mức : (i) 6 tháng -1 năm, (ii) 1 -3 năm, (iii) 3-5 năm
- ❖ Hủy, đình chỉ, không công nhận KQLCNT:  
Xử lý của người có thẩm quyền khi phát hiện các hành vi vi phạm
- ❖ Ngoài bị xử lý như trên, tổ chức cá nhân vi phạm còn bị đăng tải trên báo Đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu của Nhà nước

105

## VI. TÌNH HUỐNG TRONG ĐẤU THẦU (Điều 70 NĐ 85/CP)

1. Trường hợp có lý do cần điều chỉnh giá / nội dung gói thầu: Điều chỉnh KHĐT trước khi mở thầu (trừ tình huống 6)
2. Trường hợp DT < giá gói thầu: Căn cứ theo DT. Nếu DT > giá gói thầu nhưng không > TMĐT: Chủ đầu tư quyết định (không phải điều chỉnh KHĐT)
3. Trường hợp < 3 nhà thầu nộp HSDT, HSDST, HSQT, HSDX :  $\leq 4$  giờ BMT BMT báo cáo CĐT để (i) kéo dài thời hạn hoặc (ii) cho phép mở và đánh giá.
4. Trường hợp HSMT cho phép nhà thầu chào theo một hoặc nhiều phần riêng biệt: Xét chọn theo từng phần nhưng bảo đảm giá trúng thầu của cả gói thầu  $\leq$  giá gói thầu. 1 hoặc nhiều phần việc không có nhà thầu chào : điều chỉnh KHĐT và vẫn đánh giá các nhà thầu đã chào
5. Trường hợp HSDT có đơn giá khác thường và nếu giải thích của nhà thầu không rõ: Được coi là sai lệch khi đánh giá
6. Trường hợp giá đề nghị trúng thầu > giá gói thầu MSHH, XL: CĐT báo cáo để (i) cho phép chào lại giá, (ii) đồng thời cho phép chào lại giá + xem xét lại giá gói thầu, HSMT hoặc (iii) Cho phép mời nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất vào đàm phán về giá

106

## VI. TÌNH HUỐNG TRONG ĐẤU THẦU (TIẾP)

7. Trường hợp chỉ có một HSDT vượt qua bước đánh giá về KT: không cần xác định giá đánh giá đối với MSHH, XL, gói thầu lựa chọn tổng thầu (trừ tổng thầu TK), không cần xác định điểm tổng hợp đối với tư vấn thông thường
8. Trường hợp 2 HSDT có kết quả đánh giá ngang nhau: Ưu tiên nhà thầu có giá DT sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch thấp hơn
9. Trường hợp giá đề nghị ký HĐ vượt giá trúng thầu được duyệt: BMT báo cáo Chủ đầu tư quyết định
10. Trường hợp giá đề nghị trúng thầu thấp bất thường hoặc < 50% giá gói thầu: Lập tổ thẩm định liên ngành, đưa ra các biện pháp phù hợp trong HĐ để đảm bảo tính khả thi
11. Trường hợp < 3 nhà thầu đáp ứng yêu cầu của bước sơ tuyển / lựa chọn danh sách nhà thầu : (i) Chủ đầu tư sơ tuyển bổ sung, lựa chọn bổ sung, (ii) CĐT cho phép phát hành HSMT
12. Trường hợp trong HSMT có quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác: Không hiệu chỉnh sai lệch đối với phân khối lượng sai khác (nếu có)
13. Trường hợp có thực giảm giá: Khi xét thầu cần xác định giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá theo thực giảm giá. Giá trị tuyệt đối của lỗi số học hoặc sai lệch căn cứ giá dự thầu ghi trong đơn.
14. Trường hợp < 5 nhà thầu đủ điều kiện để mời tham gia đấu thầu hạn chế : (i) có 1-2 nhà thầu thì phải báo cáo người có thẩm quyền quyết định, (ii) có 3-4 nhà thầu thì CĐT quyết định

107

## TÓM TẮT NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI VỀ ĐẤU THẦU CỦA LUẬT SỬA ĐỔI

108

## QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT SỬA ĐỔI

6/11/2008

Quốc hội cho phép xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến ĐTXDCB, trong đó có Luật Đấu thầu

10/12/2008 TTCP giao Bộ KH&ĐT chủ trì

16/1/2009 Bộ KH&ĐT thành lập Ban soạn thảo

7/4/2009 Chính phủ trình Dự thảo lần 1

8/5/2009 Chính phủ trình Dự thảo lần 2

25/5/2009 Chính phủ trình Dự thảo lần 3

19/6/2009 Quốc hội thông qua Luật số 38/2009/QH12

1/8/2009 Ngày Luật sửa đổi có hiệu lực

109

## CÁC NỘI DUNG CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI

▪ Các vấn đề được xem xét sửa đổi, bổ sung

a) Đảm bảo cạnh tranh trong đấu thầu

b) Chỉ định thầu

c) Phân cấp trong đấu thầu

d) Xử lý vi phạm pháp luật trong đấu thầu

▪ Các chương / điều được sửa đổi, bổ sung

Luật sửa đổi có 21 điều liên quan đến 5 chương của Luật Đấu thầu được sửa đổi, bổ sung

110

<b>1. ĐẢM BẢO CẠNH TRANH TRONG ĐẦU THẦU</b>	
<b>LUẬT ĐẦU THẦU (Điều 11 LĐT)</b>	<b>LUẬT SỬA ĐỔI (K2 Điều 2)</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nhà thầu tự vấn lập FS không được tham gia đấu thầu lập TKKT, nhà thầu TV lập TKKT không được tham gia đấu thầu các bước tiếp theo (trừ EPC)</li> <li>▪ Nhà thầu tham gia đấu thầu phải độc lập về tổ chức và độc lập về tài chính</li> </ul>	<p>Bỏ quy định này</p> <p>Chính phủ quy định cụ thể về lộ trình áp dụng</p>
111	

<b>2. CÁC HÀNH VI BỊ CẤM TRONG ĐẦU THẦU</b>	
<b>LUẬT ĐẦU THẦU (Điều 12)</b>	<b>LUẬT SỬA ĐỔI (K3 Điều 2)</b>
<p>Quy định 17 hành vi bị cấm để phòng ngừa và làm căn cứ xử lý nếu cố tình vi phạm</p>	<p>Bổ sung thêm 2 hành vi bị cấm :</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1) BMT không bán HSMT cho nhà thầu theo quy định</li> <li>2) Sử dụng lao động nước ngoài khi lao động trong nước có khả năng thực hiện</li> </ol>
112	

<b>3. CHỈ ĐỊNH THẦU</b>	
<b>LUẬT ĐẦU THẦU</b> (điểm c và đ khoản 1 Điều 20)	<b>LUẬT SỬA ĐỔI</b> (K4 Điều 2)
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Gói thầu thuộc Dự án bí mật QG, cấp bách vì lợi ích QG, an ninh an toàn năng lượng do TTCP quyết định chỉ định thầu</li>   <li>▪ Gói thầu có giá &lt; 0,5 tỷ (TV), &lt;1 tỷ (HH, XL), &lt;100 tr mua sắm thường xuyên được chỉ định thầu</li> </ul>	<p>Gói thầu mang tính chất bí mật QG, cấp bách vì lợi ích QG theo quy định của Chính phủ</p> <p>Hạn mức về giá trị gói thầu và các trường hợp đặc biệt chỉ định thầu do Chính phủ quy định chi tiết</p>
113	

<b>4. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN</b>	
<b>LUẬT ĐẦU THẦU</b> (Điều 60 LĐT)	<b>LUẬT SỬA ĐỔI</b> (K18 Điều 2)
<ol style="list-style-type: none"> <li>1) Phê duyệt KH đấu thầu</li> <li>2) Phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt HSMT</li> <li>3) Phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt KQLCNT</li> <li>4) Quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu</li> <li>5) Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</li> <li>6) Xử lý vi phạm pháp luật đấu thầu</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1) Phê duyệt KH đấu thầu</li> <li>2) Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</li> <li>3) Xử lý vi phạm pháp luật đấu thầu</li> <li>4) Hủy, đình chỉ hoặc không công nhận KQĐT khi phát hiện sai phạm của chủ đầu tư</li> </ol>
114	

<b>5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ</b>	
<b>LUẬT ĐẦU THẦU (Điều 61 LĐT)</b>	<b>LUẬT SỬA ĐỔI (K19 Điều 2)</b>
<p><b>Chủ đầu tư có 12 nhiệm vụ :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Quyết định sơ tuyển nhà thầu</li> <li>▪ Phê duyệt danh sách nhà thầu tham gia đấu thầu</li> <li>▪ Thành lập tổ chuyên gia đấu thầu</li> <li>▪ Phê duyệt DS nhà thầu đạt y/c KT và DS xếp hạng</li> <li>▪ Phê duyệt kết quả chỉ định thầu theo quy định tại điểm a và d K1 Điều 20 LĐT</li> <li>▪ Phê duyệt nội dung và ký kết HĐ</li> <li>▪ Bồi thường thiệt hại</li> <li>▪ Cung cấp thông tin theo quy định...</li> </ul>	<p><b>Bổ sung 3 nhiệm vụ mới là:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Phê duyệt HSMT</li> <li>2) Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu</li> <li>3) Quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu</li> </ol>
115	

<b>6. XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT ĐẦU THẦU</b>	
<b>LUẬT ĐẦU THẦU (Điều 75 LĐT)</b>	<b>LUẬT SỬA ĐỔI (K21 Điều 2)</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Cảnh cáo đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm các hành vi ngoài Điều 12 LĐT</li> <li>▪ Cấm tham gia hoạt động đấu thầu được áp dụng khi tổ chức / cá nhân vi phạm các hành vi tại Điều 12 LĐT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Cảnh cáo được bổ sung thêm 3 trường hợp sau : <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Nhà thầu trúng thầu nhưng cố tình không thương thảo, không ký HĐ</li> <li>2) Nhà thầu cố tình không thực hiện HĐ</li> <li>3) Nhà thầu không đảm bảo chất lượng và tiến độ theo HĐ</li> </ol> </li> <li>▪ Cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo Điều 12 LĐT và được bổ sung thêm trong trường hợp có từ 3 hành vi trở lên bị xử lý cảnh cáo</li> </ul>
116	



<b>7. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC</b>	
<b>LUẬT ĐẦU THẦU</b>	<b>LUẬT SỬA ĐỔI</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Chi phí trên cùng một mặt bằng (khoản 30 Điều 4 LĐT) : bao gồm giá dự thầu ... dùng để so sánh, xếp hạng HSDT và được gọi là giá đánh giá</li> <li>▪ Sơ tuyển nhà thầu (điểm a khoản 1 Điều 32 LĐT): phải áp dụng đối với gói thầu MSHH, EPC <math>\geq</math> 300 tỷ đ; XL : <math>\geq</math> 200 tỷ đ</li> <li>▪ Tiếp nhận và quản lý HSDT (khoản 2 Điều 33 LĐT) : các HSDT nộp theo yêu cầu của HSMT phải được BMT tiếp nhận và quản lý theo chế độ quản lý HS mặt</li> </ul>	<p>Sửa lại là “giá đánh giá “ (K1Đ2 LĐT) và được giải thích là giá được xác định trên cùng một mặt bằng về các yếu tố KT, TC, TM và được dùng để so sánh, xếp hạng HSDT đối với MSHH, XL, EPC...</p> <p>Sơ tuyển nhà thầu chỉ áp dụng (K7 Đ2 LĐT) trong trường hợp đấu thầu rộng rãi căn cứ tính chất gói thầu mà không phụ thuộc quy mô gói thầu</p> <p>Được bổ sung nội dung sau (K8 Đ2 LĐT) : HSDT nộp sau thời điểm đóng thầu được coi là không hợp lệ và bị loại</p>

117